

Bản án số: 54/2020/HS-PT
Ngày 13-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng An Thanh.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Ngọc Thạch.

Ông Trương Văn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 253/2019/TLPT-HS ngày 31 tháng 12 năm 2019 đối với các bị cáo Đậu Xuân H và Lê Văn T do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2019/HS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Đậu Xuân H; sinh ngày 03 tháng 8 năm 1980 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Ấp X, xã H1, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đậu Xuân L và bà Nguyễn Thị M; có vợ là bà Lê Thị H2, có 02 người con (sinh năm 2006 và năm 2012); tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16 tháng 5 năm 2019 đến nay (có mặt).

2. Lê Văn T; sinh ngày 07 tháng 10 năm 1985 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi thường trú: Thôn Y, xã N, huyện T1, tỉnh Thanh Hóa; nơi tạm trú: Ấp X, xã H1, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C và bà Đậu Thị H3; có vợ là bà Đậu Thị H4; có 01 người con (sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16 tháng 5 năm 2019 đến nay (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Lê Thị L1 là Luật sư thuộc Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V - Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương bào chữa cho bị cáo H (có mặt).

Ngoài ra, có 01 bị hại và 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo và 03 người làm chứng không liên quan đến kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 20 tháng 3 năm 2019, bị cáo Đậu Xuân H rủ bị cáo Lê Văn T đến công trình xây dựng của Công ty cổ phần V E & C tại Khu Công nghiệp T2 thuộc Ấp Z, xã H1, huyện B, tỉnh Bình Dương để đòi tiền từ người tên là B1 (không rõ nhân thân, lai lịch). Bị cáo T dùng xe mô tô (mượn của bà Đậu Thị B2) chở bị cáo H đến công trình xây dựng của Công ty cổ phần V E & C nhưng không tìm được đối tượng tên B1. Bị cáo H nói bị cáo T chở đến công trình khác của Công ty cổ phần V E & C thì bị cáo T đồng ý. Đến nơi, bị cáo H trèo vào kho vật tư lấy 02 thùng sơn nước và 02 thùng sơn phủ màu rồi đưa ra ngoài cho bị cáo T. Các bị cáo chất lên xe mô tô được 03 thùng sơn, bỏ lại 01 thùng sơn do không còn chỗ. Trên đường vận chuyển sơn về nhà bị cáo H thì các bị cáo bị bắt giữ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 161/KL-ĐGTS ngày 10 tháng 4 năm 2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, tỉnh Bình Dương xác định tổng giá trị tài sản mà các bị cáo trộm cắp là 4.474.600 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2019/HS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Đậu Xuân H;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lê Văn T;

Tuyên bố các bị cáo Đậu Xuân H, Lê Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Đậu Xuân H: 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T: 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, bị cáo Đậu Xuân H và bị cáo Lê Văn T kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo vì các bị cáo không có động cơ trộm cắp tài sản mà chỉ xuất phát từ việc bức tức do không lấy được tiền nợ từ người tên B1, chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là lao động chính trong gia đình, có con còn nhỏ, có ông Đậu Xuân L (cha ruột của bị cáo H và là cậu ruột của bị cáo T) là người có công với cách mạng và mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng là quá nặng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định hành vi phạm tội của các bị cáo. Bị cáo H rủ bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 04 thùng sơn có giá trị 4.474.600 đồng. Các bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn do bị cáo H là người nảy sinh ý định, rủ bị cáo T cùng thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của các bị cáo là bộc phát, không có sự tính toán trước. Tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu, giá trị tài sản không lớn. Các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên việc không cách ly các bị cáo để bị cáo tự cải tạo cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với các bị cáo. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là chưa phù hợp, do đó có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần Bản án sơ thẩm, xử phạt bị cáo H 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 16 tháng và xử phạt bị cáo T 06 tháng nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách 12 tháng.

Người bào chữa cho bị cáo H trình bày: Thống nhất về tội danh, khung hình phạt của Bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng với bị cáo H là quá nặng. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên mức hình phạt cho bị cáo hưởng án treo cũng nặng cho bị cáo vì bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm h, i, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là: phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội chưa gây thiệt hại (không phải là gây thiệt hại không lớn như đại diện Viện Kiểm sát phát biểu), thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có cha là người có công cách mạng, có huân chương kháng chiến (Tòa án cấp sơ thẩm có nêu nhưng không ghi nhận cho bị cáo H là thiếu sót), có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Luật sư đề nghị áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự, áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định đối với bị cáo H, áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, Điều 1, Điều 2 Nghị quyết 02 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, áp dụng mức hình phạt 05 tháng tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo H.

Bị cáo T tự bào chữa: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo, bị cáo là trụ cột trong gia đình.

Bị cáo H không có ý kiến bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đối đáp: Người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng tình tiết cha của bị cáo H có công với cách mạng theo điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là chưa phù hợp vì không thuộc trường hợp bản thân bị cáo có công với cách mạng, chỉ có căn cứ áp dụng khoản 2 Điều 51 cho bị cáo. Đề nghị áp dụng Điều 54 để áp dụng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo của người bào chữa có thể áp dụng nhưng trên cơ sở tình hình đấu tranh tội phạm như hiện nay cũng như nhằm phân hóa vai trò của các bị cáo thì mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

Người bào chữa không có ý kiến đối đáp.

Khi nói lời sau cùng, bị cáo H và bị cáo T xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương, hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện việc điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, các bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm xác định. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, có đủ cơ sở kết luận vào ngày 20 tháng 3 năm 2019, bị cáo Đậu Xuân H đã rủ bị cáo Lê Văn T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 02 thùng sơn nước và 02 thùng sơn phủ màu của Công ty cổ phần V E & C. Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo trộm cắp là 4.474.600 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của doanh nghiệp, làm mất an ninh trật tự và an toàn xã

hội. Bị cáo H là người rủ rê, trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo T là người giúp sức cho bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải nghiêm trị các bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[5] Bị cáo H phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại các điểm i và s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ. Đối với tình tiết gia đình bị cáo H có công với cách mạng, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo nhưng không xác định rõ người có công, có quan hệ như thế nào với bị cáo và có công như thế nào. Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định bị cáo H có cha ruột là ông Đậu Xuân L là người có công với đất nước, được tặng Huân chương Chiến sĩ Giải phóng hạng Ba nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo H là phù hợp.

[6] Bị cáo T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và xét xử sơ thẩm khai chưa thống nhất nhưng đã thừa nhận hành vi giúp sức cho bị cáo H trộm cắp tài sản nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm i và s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho bị cáo T là có căn cứ.

[7] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu trên và giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt không lớn nhưng Tòa án cấp sơ thẩm quyết định xử phạt bị cáo H 08 (tám) tháng tù và xử phạt bị cáo T 06 (sáu) tháng tù là nặng so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, không cần thiết cách ly khỏi xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không áp dụng hình phạt tù mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là hình phạt nhẹ hơn đối với các bị cáo cũng đủ răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, một phần ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, một phần ý kiến của người bào chữa cho bị cáo H, sửa một phần quyết định của Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo.

[8] Các bị cáo không có việc làm ổn định, là lao động làm thuê, có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên Hội đồng xét xử phúc thẩm miễn việc khấu trừ thu nhập sung quỹ Nhà nước đối với các bị cáo.

[9] Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo nên không xem xét yêu cầu xin hưởng án treo của các bị cáo.

[10] Kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số

326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 344, Điều 345, điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm đ khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đậu Xuân H và bị cáo Lê Văn T, sửa một phần quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2019/HS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương về hình phạt đối với các bị cáo.

Tuyên bố các bị cáo Đậu Xuân H và Lê Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Đậu Xuân H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i và s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Đậu Xuân H và bị cáo Lê Văn T cho Ủy ban nhân dân xã H1, huyện B, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Trong thời gian chấp hành án, các bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ theo quy định tại Điều 99 của Luật Thi hành án hình sự. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

Miễn việc khấu trừ thu nhập sung quỹ Nhà nước đối với bị cáo Đậu Xuân H và bị cáo Lê Văn T.

Bị cáo Đậu Xuân H và bị cáo Lê Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ – Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương (2);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện B, tỉnh Bình Dương;
- Những người tham gia tố tụng (03);
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi các bị cáo thường trú và tạm trú (thay văn bản thông báo) (3);
- Lưu VP (2), hồ sơ vụ án, NTN, 18.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng An Thanh